Name:		Class		Score :	
ĐỀ THI	TỔNG HỢ	プР <b>3 - 2020</b> (н	oàn thành đến hết ng	ày 29 / 2 / 2020	)
Yêu cầu học sinh :					
			g <b>theo mẫu ĐỀ THI TỔN</b> 2020 và báo cáo GVCN v		hướng dẫn.
	•		e the word whose underlin n: ed, S/ES, nguyên ân		m the other th
uestion 1: Kiến thú	rc : Phát âm :	S/ES			
A. satellit <u>es</u>		B. challeng <u>es</u>	C. approach <u>es</u>	D. devic <u>es</u>	<u>5</u>
A. satellit <u>es</u> : /	/	- trước <b>es</b> là chữ	trong câu	→ es	âm //
B. challeng <u>es</u> /		- trước <b>es</b> là chữ _	_trong câu	→ e	s âm //
C. approach <u>es</u> /		- trước <b>es</b> là chữ _	_trong câu	→ e	s âm //
D. devic <u>es</u> /		- trước <b>es</b> là chữ _	_trong câu	→ es	s âm //
<b>uestion 2:</b> Kiến thứ	rc : Phát âm c	łuôi			
A. p <u>ea</u> sant /	/		B. m <u>ea</u> sure /		
C. cr <u>ea</u> ture /	/		D. pl <u>ea</u> sure /		
	•		te the word that differs fr ấn : 2 âm tiết , 3 âm tiết		e in the positi
f primary stress in each of	f the following	questions. ( dấu nh	ấn : 2 âm tiết , 3 âm tiết		e in the position
f primary stress in each of	f the following rc: Trọng âm	questions. ( dấu nh - Từ âm ti	<b>ấn : 2 âm tiết , 3 âm tiết</b> ết		·
f primary stress in each of uestion 3: Kiến thứ	f the following rc: Trọng âm /	questions. ( dấu nh - Từ âm ti	<b>ấn : 2 âm tiết , 3 âm tiết</b> ết B. forward / D. secure /	·)	· 
f primary stress in each of Question 3: Kiến thủ A. survive / C. observe / iải thích:	f the following rc: Trọng âm/	questions. ( dấu nh	ấ <b>n : 2 âm tiết , 3 âm tiết</b> ết B. forward / D. secure /	··) /	
f primary stress in each of question 3: Kiến thủ A. survive / C. observe / iải thích:: Kiến thủ	rc: Trọng âm  //  rc: Trọng âm	- Từ âm ti	ấ <b>n : 2 âm tiết , 3 âm tiết</b> ết B. forward / D. secure / ết	·)	
f primary stress in each of uestion 3: Kiến thủ A. survive / C. observe / di thích:	the following rc: Trọng âm/ / rc: Trọng âm /	- Từ âm ti	ấ <b>n : 2 âm tiết , 3 âm tiết</b> ết  B. forward /  D. secure /  ết  B. miracle /_	··) /	

A. an		B. the	C. a	D. Ø (no article)
oại câu :	_ Giải thích : _			
Tạm dịch:				
Question 6: If he did	dn't come to	the party, he	_ Sarah.	
A. couldn't meet		B. can't meet		D. couldn't have met
Loại câu :	_ Giải thích : _			
Tạm dịch:				
			all the things needed.	
A. had prepared		B. prepared	C. was preparing	D. has prepared
Loại câu :	_ Giải thích : _			
Tạm dịch:				
Question 8: I still en	joyed the w	veek the bad	weather.	
A. though		B. although	C. despite	D. in spite
Loại câu :	_ Giải thích : _			
Tạm dịch:				
Question 9: She wal	ks so fast tr			D - 11 '11
A. up with	_ Giải thích : _	B. up to	C. away from	D. off with
Tạm dịch:				
Question 10:_ A. Being trained	for about 4	weeks, we now can	perform most of the tasks of th	confidently
C. Having trained			D. Having been traine	ed
Loại câu :	_ Giải thích : _			

Question 11: They	have plante	d a row of trees	a natural prote	ection from the sun's ray.
			C. that is formed	· ·
Loại câu :	Giải thích : _		<del></del>	
Tạm dịch:				
Question 12: I sugg	gested	the matter to the	committee.	
A. to put		B. putting	C. being put	D. put
Loại câu :	Giải thích : _			
Tạm dịch:				
Question 13: Nowa	ıdays, it's be	come common t	o offer guests the wifi pas	sword along with a cup of tea
		_	C. increasingly	
Loại câu :	Giải thích : _			
Tana diala				
Question 14: His _ A. determination		-	as caught stealing some m C. respect	•
		_	C. respect	·
Loại cau .	Giai tilicii			
Tạm dịch:				
				ure because they worry abou
deb <sup>i</sup> A. do	t they can be	in. B. have	C try	D. make
	Giải thích :		C. try	D. IIIake
·				
Tạm dịch:				
Question 16: He c	laimed	from military servi	ce as he was a foreign nati	onal.
A. demobilization	on	B. exemption	C. liability	D. exception
Loại câu :	Giải thích :			
Tam dich:				

A. ring		B. loop	C. belt	D. tie
J	Giải thích :	•		
Tạm dịch:				
Question 18: It wa	ns such a/an <sub>-</sub>	book about enviro	nmental problems.	
A. weather-bea		0 1 0		D. ill-behaved
Tạm dịch:				
	D on your a	nswer sheet to indicate <u>th</u>		eaning to the underlined word
Question 19: The id	cebox becan	ne a <u>fixture</u> in most hom	es and remained so un	til the mechanized refrigerat
replac	ced it in the	1920's and 1930's.		
A. substance :		<del></del>	B. mechanical device	2:
C. commonplac	e object :		D. luxury item :	
Giải thích : <b>fixture:</b>		=		<del></del>
Tạm dịch:				
	_	eat wave of southern ar th and contributed to an	•	mmigrants at the turn of the
A. ensured the	success of :_			
B. happened at	the same tin	ne as :		
	un:			
Giải thích : <b>coincided wit</b>				
Giải thích : <b>coincided wit</b>		·		
Giải thích: coincided with Tạm dịch:  Mark the letter A, B, C, or neach of the following que	D on your an	swer sheet to indicate <u>the</u>	word(s) OPPOSITE in m	eaning to the underlined word
Giải thích: coincided with Tam dịch:  Mark the letter A, B, C, or a each of the following question 21: She's	<b>D on your ar</b> uestions. ( tìm s a bit <b>down</b>	swer sheet to indicate <u>the</u> từ trái nghĩa ) in the dumps because sh	word(s) OPPOSITE in m	eaning to the underlined word
Giải thích: coincided with Tạm dịch:  Mark the letter A, B, C, or a each of the following que Question 21: She's A. sad	<b>D on your ar</b> u <b>estions. ( tìm</b> s a bit <b>down</b>	swer sheet to indicate <u>the</u> từ trái nghĩa ) in the dumps because sh	word(s) OPPOSITE in m e's got to take her exar B. embarassed	reaning to the underlined word ms again.
Giải thích: coincided with Tam dịch:	<b>D on your an</b> u <b>estions. ( tìm</b> s a bit <b>down</b>	swer sheet to indicate <u>the</u> từ trái nghĩa ) in the dumps because sh	word(s) OPPOSITE in m e's got to take her exar B. embarassed D. happy	reaning to the underlined word  ms again.

Earth may be unique in the sola	ar system was strengthened.
A. end	B. continuation
C. expansion	D. beginning
Giải thích : dawn : ≠	<del></del>
Tạm dịch:	
Mark the letter A, B, C, or D on your answer the following <u>exchanges</u> . (2 câu giao tiếp)	sheet to indicate the option that best completes each of
Question 23: Kiến thức :	
- "I have an idea. Let's go for a swim o	on Sunday afternoon""".
A. You bet!.	
	<del></del>
	<del></del>
D. I'm sure	
Question 24: Kiến thức : Jack and Lala are talking about hiking in the	
- Jack: "I think we should set off early Lala: " Then, we can have mo	ore time in the mountain."
A. I don't think so	
B. I can't agree with you more	
C. Sorry, I missed your point	
D. You must be kidding	
	r A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word blanks from 25 to 29. ( điền từ thích hợp : liên từ, đại từ quan hệ , )
	MENTORING
_	ers elsewhere take part in mentoring schemes. A mentor is an nip to a young person. There are numerous different way of
	es, offering guidance. Sometimes the most helpful thing to do i
	particular (26) experience is required, just a desire to who needs help. This may seem a difficult thing at first, but man
	important part in a child's development and can often make up
ouild up their confidence in dealing with life's chat they have had a (28) influence of (29), it is not only adults who are capab	can also improve young people's attitudes towards society and nallenges. For the mentor, it can be incredibly rewarding to know on a child and helped to give the best possible chance in life ole of taking on this role. There is now an increasing demand for each possible chance in the possible of taking on this role. There is now an increasing demand for each possible them with reading or other schoolwork.

Question 22\_\_\_: With the <u>dawn</u> of space exploration, the notion that atmospheric conditions on

Question 25: Kiến thức :	
A. whom	B. which
C. who	D. what
Loại câu : Giải thích :	
Question 26: Kiến thức :	
A. professional	B. difficult
C. trained	D. skilled
Loại câu : Giải thích :	
Tạm dịch:	
Question 27: Kiến thức :	
A. make	B. play
C. do	D. take
Loại câu : Giải thích :	
Tạm dịch:	
Question 28: Kiến thức :	
A. significance	B. significantly
C. signify	D. significant
Loại câu : Giải thích :	
Tạm dịch:	
Question 29: Kiến thức :	
A. However	B. Indeed
C. Moreover	D. Therefore
Loại câu : Giải thích :	
I am dịch:	

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions. (tìm  $l\tilde{0}$  sai tại  $\rightarrow$  vị trí trạng từ, động từ ở bị động, loại từ ...)

Question 30	A body <u>has discovered</u>	B C			
Loại câu :					
Tạm dịch:					
Question 31:		-	the chance <u>to go</u> to the	cinema.	
Loại câu :		<b>C</b> Sửa và giải thích :	D		<del></del>
Tạm dịch:					
Question 32:	I know that <u>if</u> I sta	art <u>watching</u> a soa <sub>l</sub>	o opera, I immediately	become <u>hopelessly</u>	addictive
	Α	B		С	D
Loại câu :	Đáp án sai :	Sửa và giải thích : _			
Tam dich:					
-	: Kiến thức :		u so sánh , câu tường t	nuật, uỷ doan qua ki	na y
My interview	lasted longer than yo	urs.			
Tạm dịch:					
A. Your intervie	w was as long as mine				
	w was shorter than mi				
	w was longer than mir				
	•				
	w wasn't as short as m	_			
Tạm dịch:					
iải thích					

Question 34_	_: Kiến thức :	
"Me? No, I d	dn't tell lies to Suanna," said Bob.	
A. Bob deni	d telling lies to Suanna.	
B. Bob adm	ted not telling lies to Suanna.	
C. Bob apol	gize for telling lies to Suanna.	
D. Bob apol	gize for telling lies to Suanna.	
thích		
Question 25	• Kiến thức ·	
	_: Kiến thức : was on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
m certain Luis		
m certain Luis  A. Luisa mu	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
M certain Luis  A. Luisa mu  B. Luisa mu	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t be on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
A. Luisa mu B. Luisa mu C. Luisa cou	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t be on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
A. Luisa mu B. Luisa mu C. Luisa cou D. Luisa ma	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t be on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  d have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
A. Luisa mu B. Luisa mu C. Luisa cou D. Luisa ma	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t be on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  d have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  be very on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
A. Luisa mu  B. Luisa mu  C. Luisa cou  D. Luisa ma	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t be on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  d have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  be very on top of the world when his wife gave birth to their first child.	
A. Luisa mu B. Luisa mu C. Luisa cou D. Luisa ma	was on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t be on top of the world when his wife gave birth to their first child.  t have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  d have been on top of the world when his wife gave birth to their first child.  be very on top of the world when his wife gave birth to their first child.	

## Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best combines each pair of sentences in the following questions. (Ghép 2 câu thành 1 câu tương đương $\Rightarrow$ câu wish, đảo ngữ)

Questio	<b>n 36:</b> Kiến thức :
I did	not see Peterson off at the railway station. I feel bad about it now.
A. I w	vish I saw Peterson off at the railway station.
B. Iro	egret having seen Peterson off at the railway station.
C. If I	saw Peterson off at the railway station, I would regret it now.
D. If	only I had seen Peterson off at the railway station.
 ìiải thích	
Questio	<b>n 37:</b> Kiến thức :
The wor	kers only stopped the walkout after a new pay offer.
A. No	ot until a new pay was offered the workers stopped the walkout.
В. А і	new pay was offered, which made the walkout stop.
C. Th	e workers stop the walkout only when a new pay offer.
D. No	ot until a new pay was offered did the workers stop the walkout.
iải thích	

MỚ RỘNG			
		 <del></del>	 
<del></del>	<del></del>		